

HỌC VIỆN THÁNH GIUSE – DÒNG TÊN VIỆT NAM

Bộ môn: Ngữ Thư
Giáo sư hướng dẫn: Giuse Phạm Tuấn Nghĩa, S.J.

Được Chúa Chọn Là Một Hồng Ân

Học viên thực hiện
Phêrô Nguyễn Phúc Hoàng Dũng, S.J.
Email: nphucdung@gmail.com

Tháng 10 năm 2018

Mục Lục

Giới Thiệu.....	1
1. Khung Cảnh, Cấu Trúc Bản Văn Đnl 4,31-40.....	1
Khung Cảnh Bản Văn.....	1
Cấu Trúc Bản Văn.....	2
2. Phân Tích Bản Văn Đnl 4,31-40.....	3
Đức Chúa Là Đáng Từ Bi (Câu 31-34).....	3
Tương Quan Của Đức Chúa Với Dân It-ra-en (Câu 35-38).....	7
Dân It-ra-en Đáp Lại Đức Chúa (Câu 39-40).....	9
Đúc Kết.....	15
Ứng Dụng.....	15
Sách Tham Khảo.....	18

Giới Thiệu

Thiên Chúa tự tỏ mình ra cho con người, và con người đáp lại trong đức tin. Kinh nghiệm của dân It-ra-en trong cuộc xuất hành cho thấy lời đáp lại trong đức tin đối với Đức Chúa cần thiết phải được đặt nền trên việc họ nhận ra và thâm thía được rằng Đức Chúa là Thiên Chúa duy nhất hằng đối xử với họ hết mực từ bi. Chính mối tương quan cá vị với Thiên Chúa là điểm then chốt cho sự đáp trả trong kính tin và tuân phục của họ đối với Ngài. Theo đó, được Chúa chọn là một hồng ân. Đoạn trình thuật Đnl 4,31-40 sẽ làm rõ điều này.

1. Khung Cảnh, Cấu Trúc Bản Văn Đnl 4,31-40

Khung Cảnh Bản Văn

Sách Đệ Nhị Luật chứa đựng ba diễn từ chính của Mô-sê trước khi ông qua đời và trước khi dân đi vào Đất Hứa. Diễn từ thứ nhất từ chương 1 đến 4,43. Diễn từ thứ hai từ 4,44 đến 28,68. Diễn từ thứ ba từ 28,69 đến hết chương 30.¹ Để đặt nền cho diễn từ 2 (về luật, thánh ý, thánh chỉ và quyết định) và diễn từ 3 (về lời giao ước Chúa đã lập với dân It-ra-en tại đất Mô-áp), diễn từ 1 (cũng được kể là luật – torah) bắt đầu bằng ba chương 1, 2 và 3 với những lời nhắc lại khá cụ thể một số kinh nghiệm và hành trình mà dân It-ra-en đã trải qua: Khô-rép – Ca-đê – Éc-nôn – De-rét – Xi-khôn – Ba-san – vùng đất bên kia sông Gio-đan, sau đó đi vào phần chính của diễn từ thứ nhất – là điều mà Mô-sê muốn nói với dân It-ra-en – thuộc chương 4: (a) câu 1-8: giữ mệnh lệnh và quyết định của Đức Chúa, dân It-ra-en sẽ được sống, được chiếm hữu Đất Hứa và được kể là dân tộc khôn ngoan; (b) câu 9-30: nhắc lại kinh nghiệm ở núi Khô-rép và nói trước viễn cảnh sống trong Đất Hứa để cảnh tỉnh dân không được xa rời hay bất trung với Đức Chúa; (c) 31-40: Đức Chúa là Đấng từ bi và là Thiên Chúa duy nhất, dân hãy lắng nghe và tuân giữ thánh chỉ và mệnh lệnh của Người để được hạnh

¹ Jean-Louis Ska không chia sách Đệ Nhị Luật theo các diễn từ nhưng theo đặc trưng của một số câu mở. (x. Jean-Louis Ska, *Introduction to Reading the Pentateuch*, 39.)

phúc và sống lâu trong Đất Hứa; (d) 41-43: tách ba thành làm nơi ẩn náu cho những ai ngộ sát người đồng loại.

Cấu Trúc Bản Văn

Từ khung cảnh khái quát trên, phạm vi khai triển ở đây sẽ tập trung vào đoạn Đnl 4,31-40: *Được Chúa chọn là một hồng ân.*² Thực ra, bản dịch theo Các Giờ Kinh Phụng Vụ không đưa câu 31 vào phần này; tuy nhiên chúng tôi nhận thấy rằng, trong mạch ý từ câu 21 đến câu 40, câu 31 đóng vai trò vừa là câu kết ý cho đoạn trên (c. 21-31) lại vừa là câu mở ý cho đoạn tiếp theo (c. 32-40); thêm vào đó, giống câu 31, câu 35 cũng đóng vai trò tương tự trong đoạn 32-40. Do đó, chúng tôi đưa thêm câu 31 vào phần tìm hiểu của mình để cặp câu 31 và 35 trở thành "chốt" đóng-mở ý cho nội dung chính của đoạn này mà chúng tôi nhận thấy như sau: từ kinh nghiệm và tương quan với Đức Chúa là Thiên Chúa duy nhất và là Đấng từ bi, dân Do-thái được mời gọi kính tin, lắng nghe và tuân giữ lời Người phán dạy để được hạnh phúc và sống lâu trên Đất Hứa. Theo đó, Đnl 31-40 được chia thành ba phần:

- 1) Câu 31-34: Đức Chúa là Thiên Chúa từ bi.
 - a. Câu 31: ý chính của đoạn (kết ý phần trước và mở ý chính cho các câu 32-34)
 - b. Câu 32-34: làm rõ các khía cạnh thể hiện sự từ bi của Thiên Chúa: Người sẽ không bỏ mặc dân Do-thái (câu 32), sẽ không tiêu diệt dân (câu 33-34), và sẽ không quên giao ước Người đã thề với các tổ phụ của dân (câu 34).
- 2) Câu 35-38: Đức Chúa là Thiên Chúa duy nhất.
 - a. Câu 35: ý chính của đoạn (kết ý phần trước và mở ý chính cho các câu 36-38)

² Chúng tôi gọi tên chủ đề theo tên trong bản dịch của Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Một tên gọi khác cho đoạn trình thuật này cũng có ý nghĩa tương tự là 'Ôn gọi độc đáo của It-ra-en trong giao ước' được thánh Jerome sử dụng (x. Joseph Blenkinsopp, "Deuteronomy," 102).

- b. Câu 36-38: làm rõ ý chính qua việc nói lên sự hiện hữu của Thiên Chúa đối với dân trong không gian (câu 36-37) và thời gian (câu 38).
- 3) Câu 39-40: Mô-sê mời gọi dân It-ra-en kính tin, vâng nghe và tuân giữ lời Đức Chúa để được hạnh phúc và sống lâu trong Đất Hứa.
- a. Câu 39-40a: Dân hãy kính tin, vâng nghe và tuân giữ lời Đức Chúa.
 - b. Câu 40b: Dân sẽ được hạnh phúc và sống lâu trong Đất Hứa.

2. Phân Tích Bản Văn Đnl 4,31-40

Đức Chúa Là Đáng Từ Bi (Câu 31-34)

Đoạn thứ nhất gồm câu 31-34 nói về Thiên Chúa là Đáng từ bi. Cách chung, trong khi câu 31 [sau khi kết ý cho đoạn trình thuật trước đó từ câu 21 đến 30] nêu lên ý chính của đoạn này: “*Thật vậy ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh (em) là Thiên Chúa từ bi: Người sẽ không bỏ mặc anh (em), sẽ không tiêu diệt anh (em), sẽ không quên giao ước Người đã thề với cha ông anh (em)*”, câu 32-34 làm rõ hơn nội dung chính ấy. Ngoài điểm chung này, cả ba câu 32, 33 và 34 đều được viết dưới dạng câu hỏi tu từ: hỏi để khẳng định chứ không nhằm tìm kiếm thông tin.³

Cụ thể hơn, câu 32 cho thấy Thiên Chúa không bỏ mặc dân Người như thế nào: “*Anh (em) cứ hỏi những thời xa xưa, thời có trước anh (em), từ ngày Thiên Chúa dựng nên con người trên mặt đất; cứ hỏi từ chân trời này đến chân trời kia: có bao giờ đã xảy ra chuyện vĩ đại như thế, hay có ai đã nghe điều giống như vậy chẳng?*” Ai hỏi? Mô-sê mời gọi chính dân It-ra-en hãy đặt câu hỏi, nhưng không phải hỏi chính họ, mà hãy hỏi: (1) “thời xa xưa, thời có

³ Tác giả chú giải trong NIB cho rằng cách dùng câu hỏi tu từ ở đây cho thấy Mô-sê là một người giảng thuyết khéo léo (x. Ronald E. Clements, “The Book of Deuteronomy,” 319). Có vẻ điều này khá mâu thuẫn với điều Mô-sê tự nhìn nhận về mình là người không biết ẩn nói khi ông muốn từ khước sứ mạng Đức Chúa trao cho mình. Tuy nhiên, cũng có thể hiểu được rằng, lúc Mô-sê nói những lời này là ông đã trải qua thời gian dài với dân, có lẽ ông đã học được điều gì đó trong cách thuyết phục dân.

trước anh em”: về thời gian hay thời đại và cũng là các thế hệ; (2) “từ ngày Thiên Chúa dựng nên con người trên mặt đất”: về thời điểm; và (3) “từ chân trời này đến chân trời kia”: về không gian. Đối với ý niệm không gian trong điểm (3), sách Sáng Thế hai chương đầu nói về việc tạo dựng, trong đó, không gian được hiểu theo chiều dọc là trời, đất và dưới nước để thấy được sự cao sâu; nhưng ở đây, cụm từ “từ chân trời này đến chân trời kia” lại cho thấy không gian được nhìn theo chiều ngang và nói lên được sự rộng lớn. Chúng ta gặp lại cách diễn đạt này trong Đnl 40,4⁴; Mt 24,31⁵ và Mc 13,27⁶ với cùng một ý nghĩa. Như vậy, từ ba điểm liên hệ trên, có thể thấy được trương độ của câu hỏi rất bao quát: hỏi mọi thời đại, mọi thế hệ và mọi nơi. Hỏi điều gì? “...*có bao giờ đã xảy ra chuyện vĩ đại như thế, hay có ai đã nghe điều giống như vậy chăng?*”, câu 32b này là câu hỏi tu từ, nên lời đáp ở đây rất rõ: chưa bao giờ xảy ra chuyện vĩ đại như thế và chưa hề có ai đã nghe điều giống như vậy. Điều vĩ đại được nhắc đến ở đây sẽ được các câu 33 và 34 làm rõ.

Tiếp theo, câu 33 – “*Có dân nào đã được nghe tiếng Thiên Chúa phán từ trong đám lửa như anh (em) đã nghe, mà vẫn còn sống không?*” – cho biết Thiên Chúa từ bi ở khía cạnh người không hủy diệt dân mình. Ở đây, Mô-sê gọi lại cho dân It-ra-en một kinh nghiệm thần hiện lạ lùng và độc đáo đối với họ: Thiên Chúa phán với dân từ trong đám lửa mà dân vẫn còn sống. Rõ ràng, Mô-sê đang dùng câu hỏi tu từ chứ không phải câu hỏi để lấy thông tin. Do đó có thể khẳng định rằng câu trả lời là ‘không’: không có dân nào đã nghe Thiên Chúa phán từ đám lửa với họ mà họ còn sống. Đnl 9,10⁷ giúp xác định thời điểm xảy ra biến cố này

⁴ “Dù anh (em) có bị đuổi xa đến tận chân trời, thì ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh (em), cũng sẽ tập trung anh (em) từ đó về, và từ đó Người sẽ đón anh (em).”

⁵ “Người sẽ sai các thiên sứ của Người thổi loa vang dậy, tập hợp những kẻ được Người tuyển chọn từ bốn phương, từ chân trời này đến chân trời kia.”

⁶ “Lúc đó, Người sẽ sai các thiên sứ đi, và Người sẽ tập hợp những kẻ được Người tuyển chọn từ bốn phương về, từ đầu mặt đất [từ nơi tận cùng của cõi đất] cho đến cuối chân trời.”

⁷ “ĐỨC CHÚA đã ban cho tôi hai bia đá do ngón tay Thiên Chúa viết, trên đó có mọi lời ĐỨC CHÚA đã phán với anh em trên núi, từ trong đám lửa, trong ngày đại hội.”

là vào thời gian dân ở núi Si-nai được tường thuật trong sách Xuất Hành chương 19 và 20. Tuy nhiên, giữa lời Mô-sê nhắc lại ở Đnl 4,33 này với những gì diễn ra tại núi Si-nai **có một sự sai khác**: Chúa nói dân *đừng chạm đến núi* nếu không sẽ bị giết (x. Xh 19,13) và dân *đừng lên núi nhìn xem Đức Chúa* nếu không sẽ phải chết (x. Xh 19,21); còn dân lại nói với Mô-sê rằng *xin Chúa đừng phán với họ* nếu không họ sẽ chết (x. Xh 20,19); Mô-sê nhắc lại sự kiện này bằng câu hỏi *có dân nào được nghe tiếng Chúa phán từ trong đám lửa mà vẫn còn sống*.⁸ Thấy được rằng, lời của Mô-sê nhắc lại tương đồng với điều dân nói hơn là với những gì Chúa nói. Đồng thời, có một điểm quan trọng cần nêu rõ: những gì đã diễn ra ở núi Si-nai là với dân It-ra-en thế hệ đầu tiên sau khi rời Ai-cập; còn những gì Mô-sê nói lại trong Đệ Nhị Luật lúc bấy giờ là nói với dân It-ra-en thế hệ thứ hai (sau gần 40 năm đi trong sa mạc trước khi vào Đất Hứa). Có thể ước đoán được rằng những người tham dự vào sự kiện này khi xưa giờ đây gần như đã ngã xuống trong sa mạc. Như vậy, phải chăng đây là một “đòn tâm lý” Mô-sê dùng để thuyết phục dân [thế hệ thứ hai]?⁹ Dù sao, xét theo cách đặt

⁸ Sách Sáng Thế không tường thuật một câu chuyện nào về việc Thiên Chúa hiện ra và phán từ đám lửa với một dân nào, ngoại trừ đến sách Xuất Hành mới cho biết lần Thiên Chúa hiện ra với Mô-sê và các lần thần hiện với dân It-ra-en ở núi Si-nai. Liên quan đến các lần thần hiện sau đó ở Si-nai, hầu như việc Thiên Chúa phán với dân từ trong đám lửa mà khiến dân chết không thấy đề cập.⁸ Và cho đến hết sách Xuất Hành, Lê-vi, Dân số và cả Đệ Nhị Luật cũng không cho thấy có một cuộc thần hiện nào tương tự đã xảy ra.

Trong khi đó, nhóm chú giải CGKPV phân biệt tiếng Chúa phán với lời Chúa phán. Tiếng Chúa thường là trong các biến chuyển của tự nhiên như sấm sét, động đất, còn lời Chúa phán là những điều răn Mô-sê truyền lại cho dân It-ra-en. Nhưng quan trọng là cả hai dấu hiệu này đều chứng tỏ Đức Chúa hiện diện và nói với dân It-ra-en. (x. *Kinh Thánh*, Ấn bản 2011, 324.)

⁹ Nói rõ hơn, Mô-sê biết dân sợ Thiên Chúa phán với họ vì điều đó khiến họ chết, nên khi muốn nhắc nhở dân về lòng từ bi của Thiên Chúa đối với họ, ông đã nhắc lại biến cố thần hiện nhưng “uốn” theo tâm lý sợ hãi ấy và “ra đòn” xoa dịu rằng Thiên Chúa đã phán với họ từ trong ngọn lửa mà họ vẫn còn sống [nhưng thực tế đã diễn ra thì không hẳn như vậy]. Mô-sê kính sợ Đức Chúa, nhưng trong suốt hành trình đến Đất Hứa, ông cũng bị dân làm khổ rất nhiều. Vậy nên, việc Mô-sê trở nên bức tức như trong sự kiện mạch nước Mo-ri-va (x. Ds 20,6-13) và làm sai điều Chúa truyền khi ông đập gậy hai lần vào tảng đá cho thấy cách ông ‘ứng phó’ với dân trong Đnl 4,33 này cũng có thể hiểu được phần nào. Và ngay sau đó, Đnl 5,23-27 tường thuật cuộc nói chuyện giữa Mô-sê với dân về biến cố này: “²³ Khi anh em nghe tiếng từ giữa bóng tối, và núi đang bốc lửa, thì anh em, tất cả những người đứng đầu các chi tộc và những kỳ mục của anh em, đã đến gặp tôi²⁴ và nói: ‘Này ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa chúng tôi, đã cho chúng tôi thấy Người thật vinh quang và vĩ đại, và chúng tôi đã nghe tiếng của Người từ trong đám lửa. Hôm nay chúng tôi đã thấy rằng Thiên Chúa phán với con người mà con người vẫn sống.²⁵ Bây giờ tại sao chúng tôi phải chết? Vì ngọn lửa lớn này có thể thiêu rụi chúng tôi. Chúng tôi mà cứ tiếp tục nghe tiếng của ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa chúng tôi, thì chúng tôi chết mất.²⁶ Thật vậy, có người phàm nào đã được nghe tiếng của Thiên Chúa hằng sống phán từ trong đám lửa, như chúng tôi đã được nghe, mà vẫn còn sống?’²⁷ Phần ông, ông hãy lại gần và nghe tất cả những gì ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa chúng tôi, phán, rồi ông sẽ nói cho chúng tôi tất cả những gì ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa chúng tôi, phán với ông; chúng tôi sẽ nghe và đem ra thực hành.”

vấn đề của Mô-sê, có thể thấy đây là một biến cố đặc biệt đối với dân, và Mô-sê nhắc lại, với ít nhiều “biến tấu”, cũng chỉ cốt để dân nghiệm thấy được Thiên Chúa thực sự đối xử rất từ bi với họ.

Nếu câu 33 hỏi về hành động của con người (“có dân nào được nghe...”) thì câu 34 hỏi về hành động của thần linh: *“Hoặc có thần nào đã ra công đi chọn lấy cho mình một dân tộc từ giữa một dân tộc khác, đã dùng bao thử thách, dẫu lạ, hiểm thiêng và chinh chiến, đã dang cánh tay mạnh mẽ uy quyền, gây kinh hồn táng đờm, như ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh em, đã làm cho anh em tại Ai-cập, trước mắt anh (em) không?”* Câu này gọi lại toàn bộ những biến cố dân It-ra-en ở Ai-cập cho đến ngày rời khỏi đó.¹⁰ Sách Xuất Hành từ chương 1 đến chương 13, nhất là trình thuật về các tai ương chương 7 đến chương 13, cho thấy chỉ có người Ai-cập mới gánh chịu hậu quả về bệnh tật, mất mùa, chết chóc,... còn dân It-ra-en thì luôn được Thiên Chúa chở che. Việc con cái It-ra-en trở nên đông đúc ở Ai-cập (x. Xh 1) rõ ràng vang vọng lại lời Thiên Chúa đã chúc lành cho con người thuở đầu tạo dựng (x. St 1,28) và cho No-ê (x. St 9,1) cũng như lời Người hứa với Ap-ra-ham, I-sa-ác và Gia-cóp về việc làm cho dòng dõi các ông trở nên đông đúc (với Ap-ra-ham x. St 12,2; 13,16; 15,5; với I-sa-ác x. St 26,4; với Gia-cóp x. St 28,14; 32,13; 35,11). Như vậy, câu 34 cho thấy Thiên Chúa từ bi trong việc không những Ngài không tiêu diệt dân It-ra-en mà còn luôn giữ lời hứa của Ngài với các tổ phụ của họ.

Đến đây, điều vĩ đại đã đề cập trong câu 32 đã sáng tỏ hơn. Đức Chúa từ bi đối với dân It-ra-en khi Ngài chọn họ, dẫn đưa họ về Đất Hứa, không tiêu diệt họ cũng như luôn trung tín giữ lời thề hứa với tổ phụ họ. Đó là điều vĩ đại. Công trình Đức Chúa thực hiện đối với dân vĩ đại bao nhiêu thì sự từ bi của Ngài đối với dân còn vĩ đại gấp ngàn bội khi Ngài gọi và chọn

¹⁰ Tác giả chú giải trong Catholic Study Bible cũng cho rằng câu này gọi lại 10 tai ương Chúa thực hiện ở Ai-cập (x. Leslie J. Hoppe, “The Chronicler’s History and the Later Histories,” 205).

họ một cách nhưng không. Rõ ràng, đây là điều Mô-sê muốn dân thực sự thấm thía vì có lẽ chính ông cũng đã quá thấm thía với điều này.

Tương Quan Của Đức Chúa Với Dân It-ra-en (Câu 35-38)

Trong khi đoạn thứ nhất c. 31-34 vốn diễn tả Thiên Chúa là Đáng từ bi, c. 35-38 đánh dấu đoạn thứ hai khi chuyển sang diễn tả tương quan của Đức Chúa với dân It-ra-en ở một góc độ khác: dân It-ra-en có Đức Chúa là Thiên Chúa duy nhất của họ. Vẫn là cấu trúc: câu đầu đoạn vừa kết thúc ý đoạn trên vừa nêu lên ý chính cho các câu tiếp theo, và các câu sau lần lượt làm rõ ý chính ấy.

Câu 35 – “*Chính anh (em) đã được cho thấy những điều đó, để biết rằng ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa và ngoài Người ra không có thần nào khác nữa.*” – nhắc lại việc dân It-ra-en thấy những điều Đức Chúa đã làm cho họ mà họ đã kinh nghiệm như đoạn thứ nhất c. 31-34 diễn tả, rồi từ đó đi đến ý chính cho đoạn thứ hai: Đức Chúa là Thiên Chúa duy nhất, không có thần nào khác ngoài Người. Cụm từ “Đức Chúa là Thiên Chúa” tiếng Do-thái là “יהוה יהוה” *YHWH יהוה*”, tạm hiểu là “YHWH (יהוה) chính Ngài [là] Đáng (יהוה) Ê-lo-him (אלהים).” Danh từ “Ê-lo-him” đã xuất hiện ngay từ chương 1 sách Sáng Thế và chỉ xuất hiện một mình trong chương này, nhưng danh từ “YHWH” chỉ bắt đầu xuất hiện trong chương 2 sách Sáng Thế và xuất hiện 11 lần (x. St 2,4-5.7-9.18-19.21-22), và hết 11 lần này đều xuất hiện ngay bên cạnh danh từ “Ê-lo-him”; kể từ chương 3 trở đi thì “YHWH” mới bắt đầu xuất hiện độc lập. Cả chương 1 và 2 sách Sáng Thế đều nói về việc Thiên Chúa tạo dựng thế giới. Nếu chương 1 diễn tả một Thiên Chúa quyền năng siêu vượt thì chương 2 lại cho thấy một Thiên Chúa có tương quan gần gũi và yêu thương thụ tạo, nhất là con người. Và rõ ràng, chính Thiên Chúa đã tạo dựng nên trời đất muôn vật, không lẽ gì lại có thần thánh nào khác tồn tại; nói cách khác, chính trong danh xưng “יהוה יהוה” đã bao hàm ý nói Đức Chúa là Thiên Chúa duy nhất. Như vậy, khi Mô-sê mời gọi dân tin nhận “Đức Chúa là Thiên Chúa” thì đó là tin nhận vào một Thiên Chúa đầy quyền năng cao vượt mà cũng rất gần gũi chăm sóc con người, và

hơn nữa, ngoài Thiên Chúa như vậy không hề có một chúa hoặc một thần nào khác. Vậy nên, câu 35 này đã nêu lên chân lý sâu xa mầu nhiệm về Thiên Chúa, và quan trọng hơn, chân lý ấy được tỏ lộ cho dân It-ra-en mà không phải là một dân nào khác. Đây là một hồng ân đặc biệt, vì vậy rất dễ hiểu khi Mô-sê nhấn mạnh và hết mực mời gọi dân nhận biết và tin thờ “Đức Chúa là Thiên Chúa” duy nhất. Hẳn nhiên, Mô-sê cũng đã kinh nghiệm điều này trước dân kể từ khi ông được Thiên Chúa mặc khải Danh Ngài trong sự kiện bụi gai bốc cháy (x. Xh 3,1-6.13-15) và trong suốt hành trình Ngài đồng hành với ông đưa dân rời Ai-cập tiến về Đất Hứa.

Tiếp đến, câu 36-38 không trực tiếp làm rõ câu 35 bằng việc đề cập cụ thể đến khái niệm Danh Thiên Chúa hay đưa thêm bất kỳ “định nghĩa” nào về Đức Chúa nữa, nhưng thực hiện điều đó cách gián tiếp qua việc cho thấy sự hiện diện và hành động của Người đối với dân It-ra-en. Nhìn chung, câu 36 lặp lại kinh nghiệm ở núi Si-nai; câu 37 nhắc lại biến cố Chúa đưa dân ra khỏi Ai-cập; câu 38 thu gọn cả một chặng đường từ Ai-cập đến khi dân gần vào Đất Hứa. Kinh nghiệm mà cả ba câu 36, 37 và 38 đã nhắc lại quả thực cho thấy không có một thần nào khác hiện diện và hành động vì dân trong suốt hành trình của họ từ Ai-cập cho đến hiện thời; và còn rõ hơn, nếu đọc lại các câu 32-34, điều này cũng được thể hiện ít nhiều gián tiếp hoặc trực tiếp.

Cụ thể, câu 36 –“*Từ trời*, Người đã cho anh (em) nghe tiếng Người, để dạy dỗ anh (em); *dưới đất*, Người đã cho anh (em) thấy ngọn lửa lớn của Người, và anh (em) đã nghe các lời Người phán ra từ trong đám lửa.” – lặp lại kinh nghiệm tại núi Si-nai như câu 33 ở trên nhưng lại được nhìn dưới góc độ khác. Cặp từ “*từ trời*” và “*dưới đất*” nói hai vế trong câu tạo nên không gian nhìn theo chiều dọc, khác với câu 32 nhìn theo chiều ngang và cũng khác với sách Sáng Thế mô tả không gian cũng theo chiều dọc nhưng có 3 yếu tố trời, đất và nước. Thấy được rằng, trong khi câu 32 nhìn không gian theo chiều ngang để chỉ về sự phổ quát của các công trình tay Chúa thực hiện cho dân It-ra-en, còn Sách Sáng Thế nhìn không gian với

ba yếu tố như vậy nhưng để chỉ sự hiện diện phong phú của thụ tạo khi Thiên Chúa tạo dựng, thì ở câu 33 này, cặp từ “từ trời” và “dưới đất” tạo một cảm giác đủ đầy về không gian hiện diện và hoạt động của Thiên Chúa đối với dân It-ra-en.¹¹ Cách vận dụng không gian tương tự cũng được tìm thấy trong kinh Lạy Cha mà Đức Giê-su dạy cho các môn đệ: “...Ý Cha thể hiện *dưới đất cũng như trên trời...*” (Mt 6,10b). Như vậy, câu 36 cho thấy trong mọi chiều kích không gian, chỉ có một mình Đức Chúa hiện diện và hoạt động: Ngài là Thiên Chúa duy nhất và không có thần nào khác.

Đến đây có thể thấy, cả đoạn thứ nhất (c. 31-34) và đoạn thứ hai (c. 35-38) đều cùng nhắc lại những biến cố đã quá quen thuộc với dân, nhưng từ đó cũng có hai góc nhìn về Thiên Chúa: Ngài là Đấng từ bi và Ngài là Thiên Chúa duy nhất.

Dân It-ra-en Đáp Lại Đức Chúa (Câu 39-40)

Đặt nền từ hai đoạn trên, đoạn thứ ba (c. 39-40) đúc kết điều dân It-ra-en cần đáp lại trong tương quan với Thiên Chúa¹² (c. 39-40a) cũng như cho thấy hoa trái từ tương quan ấy (c. 40b).

Câu 39-40a – “Vậy *hôm nay*, anh (em) phải biết và để tâm suy niệm điều này: trên trời cao cũng như dưới đất thấp, chính ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa, chứ không có thần nào khác nữa.⁴⁰ Anh (em) phải giữ các thánh chỉ và mệnh lệnh của Người, mà *hôm nay* tôi truyền cho anh (em);” – nhắc lại cùng một ý với ý chính của đoạn thứ hai (c. 35-38) để từ đó đi đến ‘thuyết phục’ dân tuân giữ các thánh chỉ và mệnh lệnh của Người.¹³ Trong đó, câu 39 vừa nhắc lại không gian ‘trên trời dưới đất’ mà câu 36 đã đề cập, vừa nói đến thời gian ‘hôm nay’

¹¹ Tác giả chủ giải trong Encyclopedia of Biblical Theology cũng cho rằng thuật ngữ 'trời và đất' chỉ toàn bộ thế giới (x. Johann Mich (Michl 1970)l, “Heaven,” 366).

¹² John H. Sailhamer cũng có cái nhìn tương tự khi cho rằng Mô-sê nhấn mạnh vào tình thương và lòng từ bi của Thiên Chúa vì đó là nền tảng cho lời mời gọi dân tin phục Đức Chúa. Và đó cũng là điều mà Ap-ra-ham đã sống (x. John H. Sailhamer, *The Pentateuch as*, 434-435).

¹³ Tác giả chú giải trong Oxford Bible Commentary cũng có cái nhìn tương tự. (x. Christoph Bultmann, “Deuteronomy,” 140).

ở câu 38 và 40. Ý niệm 'hôm nay' vừa chỉ thời điểm hiện tại vừa chỉ thời gian xác định cụ thể là ngày hôm nay (chứ không phải hôm qua hay ngày mai). Trong đoạn này, 'hôm nay' được dùng theo nghĩa thứ nhất: chỉ thời điểm hiện tại. Xét theo mạch ý của toàn bộ đoạn Đnl 4,31-40, ở hai đoạn trên Mô-sê đã nhắc lại hầu như toàn bộ kinh nghiệm *đã xảy ra* để dân thấy và nghiệm được hồng ân cao cả mà họ được đón nhận cách nhưng không (đó là việc Đức Chúa, Thiên Chúa duy nhất và từ bi, đã chọn và thực thi biết bao điều vĩ đại cho họ), và đến đoạn thứ ba này, Mô-sê nhấn mạnh điều mà *hôm nay* hay *bây giờ* dân phải thực hiện để đáp lại Đức Chúa. [Kỳ thực, việc nghiệm lại quá khứ để sống hiện tại là một thao tác rất phù hợp với dân It-ra-en: nhắc lại để nhớ, và nhớ là để biết ơn Đức Chúa; lòng biết ơn là cánh cửa rất rộng cho đức tin và sự tuân phục đối với Đức Chúa]. Từ 'hôm nay' với ý nghĩa về thời khắc hiện tại xuất hiện khoảng 6 lần trong sách Xuất Hành, 2 lần trong sách Lê-vi và gần 60 lần trong sách Đệ Nhị Luật. Lần đầu tiên Mô-sê dùng ý niệm 'hôm nay' với cùng ý nghĩa tương tự khi nói với dân It-ra-en là ngay trước khi ông đập cây gậy xuống Biển Đỏ rẽ nước ra hai bên cho dân đi qua khô chân (x. Xh 14,13b). Việc Mô-sê dùng từ "hôm nay" nhiều hơn cả trong Đệ Nhị Luật cho thấy đây là giai đoạn quan trọng đối với dân It-ra-en trong việc đáp lại những gì Đức Chúa đã yêu thương mà làm cho họ: họ đã được giải phóng khỏi Ai-cập, đã được Đức Chúa ban Luật và chính thức trở thành dân riêng của Người, đã trải qua gần hết thời gian thử luyện trong sa mạc, và nay chuẩn bị bước chân vào Đất Hứa. Do đó, 'hôm nay' chứ không phải là lúc nào khác để họ tỏ lòng kính tin, biết ơn và sống theo thánh chỉ và quyết định của Đức Chúa. Nói cách khác, tính thực tại của lời đáp trả từ dân đối với Thiên Chúa được Mô-sê nhấn mạnh cao độ.¹⁴ Điều này cho thấy lời đáp trả ấy không phải là một kinh nghiệm đã qua (Mô-sê không muốn nói về lời đáp trả của cha ông họ mà là của chính họ bây giờ), cũng không phải là một lời hứa tương lai (chỉ hứa chứ chưa thực hiện), nhưng phải là 'hôm nay'

¹⁴ Whybray cho rằng 'hôm nay' trong sách Đệ Nhị Luật chỉ về bản chất quan trọng của thời khắc Đức Chúa lập giao ước Si-nai cũng như việc dân được mời gọi tuân phục Ngài (x. R. Norman Whybray, *Introduction to the Pentateuch*, 95).

trong nghĩa "động từ": thực hiện hôm nay. Ý nghĩa tương tự của từ 'hôm nay' cũng được gặp lại trong Lc 2,11; 4,21; 5,26; 19,9; 23,43.¹⁵ Như vậy, có một sức nặng nhất định trong lời Mô-sê truyền đạt cho dân biết: Đức Chúa là Thiên Chúa duy nhất trong cả hoàn vũ, và 'hôm nay' là thời gian dành cho việc tuân giữ lời Người phán truyền. Không gian rộng lớn và bao quát ("trên trời cao cũng như dưới đất thấp") được đặt trong sự vĩnh hằng hiện hữu của thời gian ("hôm nay" - chứ không phải hôm qua hay ngày mai) làm nên giá trị cho việc đáp lại của dân đối với Đức Chúa. Do đó, theo nghĩa này, chúng ta còn có thể hiểu Mô-sê muốn mời gọi dân thực hiện lời đáp trả liên li đối với Đức Chúa như chính Ngài đã luôn luôn yêu thương và đồng hành với họ.

Tiếp đến, câu 40b nói rõ 'món quà' mà dân It-ra-en có được trong tương quan với Đức Chúa: "như vậy anh (em) và con cháu anh (em) sau này sẽ được hạnh phúc, và anh (em) sẽ được *sống lâu trên đất* mà ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh (em), vĩnh viễn ban cho anh (em)." Chỉ trong một phần câu mà các trương độ về thời gian được nhấn mạnh liên tục: "anh em và con cháu anh em" (nói đến chiều dài lịch sử các thế hệ), "sống lâu", "vĩnh viễn"; từ đó cả giá trị về tinh thần và gia nghiệp Đất Hứa cùng được khẳng định: "hạnh phúc" và "vĩnh viễn ban cho anh em." Điều này gợi cảm tưởng rằng đây như là một câu đúc kết cho toàn bộ những nỗ lực của Đức Chúa trong suốt thời gian từ Áp-ra-ham cho đến hiện thời: đem lại hạnh phúc cho dân Người chọn trên chính đất mà Người hứa ban cho họ từ bao đời trước. Ở đây, chúng tôi dừng lại làm rõ hai ý niệm 'sống lâu' và 'đất'¹⁶ Chúa ban cho dân.

¹⁵ "*Hôm nay*, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành vua Đa-vít, Người là Đấng Ki-tô Đức Chúa." (Lc 2,11); "Người bắt đầu nói với họ: '*Hôm nay* đã ứng nghiệm lời Kinh Thánh quý vị vừa nghe.'" (Lc 4,21); "...Họ kính hãi bảo nhau: '*Hôm nay*, chúng ta đã thấy những chuyện lạ kỳ!'" (Lc 5,26); "Đức Giê-su mới nói về ông ta rằng: '*Hôm nay*, ơn cứu độ đã đến cho nhà này, bởi người này cũng là con cháu tổ phụ Áp-ra-ham.'" (Lc 19,9); "Và Người nói với anh ta: 'Tôi bảo thật anh, *hôm nay*, anh sẽ được ở với tôi trên Thiên Đàng.'" (Lc 23,43).

¹⁶ Theo Whybray, "Đất Hứa" là trọng tâm của thần học trong sách Đệ Nhị Luật. (x. Whybray, *Pentateuch*, 98.)

Nói đến việc sống lâu, thời gian dài là yếu tố đầu tiên được nghĩ đến. Các tổ phụ trước đại hồng thủy sống rất lâu, trong khoảng 700-900 tuổi (x. St 5). Các tổ phụ sau đại hồng thủy có vẻ sống ngắn hơn nhưng cũng biến thiên từ 119-500 tuổi (x. St 11,10-26.32). Nhìn lại cuộc tạo dựng và trong những lần Đức Chúa lập giao ước với các tổ phụ, việc sống lâu không nằm trong nội dung chúc lành hay giao ước (chúc lành cho con người, x. St 1,28-30; giao ước với No-ê, x. St 9,1-7; giao ước với Ap-ra-ham, x. St 17,4-8; Chúa chúc lành cho Gia-cóp, x. St 35,9-13; giao ước Si-nai, x. Xh 19-20). Như vậy, sống lâu có là một sự chúc lành của Đức Chúa cho con người? Đức Chúa cho biết khi con người ăn trái của cây biết lành dữ thì họ sẽ phải chết (x. St 2,17); và khi hai ông bà đã phạm tội Chúa nói họ sẽ trở về bụi đất, tức là chết (x. St 3,19). Hơn nữa, khi dựng nên con người, Đức Chúa đã thổi sinh khí của Ngài cho họ. Nói cách khác, trong con người có sự sống của Thiên Chúa, mà sự sống trường tồn là 'bản chất' của Thiên Chúa, vì vậy sống lâu là một lời chúc lành minh nhiên của Thiên Chúa dành cho con người khi Ngài tạo dựng nên họ. Hiểu theo nghĩa này, cái chết bởi tội lỗi là sự chấm dứt ơn lành của Thiên Chúa. Vì thế ở đây, không có gì lạ lắm khi Mô-sê thêm yếu tố sống lâu vào nội dung chúc lành hay ơn huệ của Đức Chúa dành cho dân, dù điều này không được nói đến cách công khai trong những lời chúc lành của Đức Chúa hay trong các giao ước của Ngài với các tổ phụ như đã nói ở trên.¹⁷ Hơn hết, có lẽ khi đã trải qua gần 40 năm trên hành trình rời Ai-cập tiến về Đất Hứa, Mô-sê và dân chúng đã chứng kiến biết bao người trong dân bị phạt chết vì những người đó không tin vào Đức Chúa (không kể những người chết theo lẽ tự nhiên); do đó đối với dân chúng và có thể cả với Mô-sê, sống lâu là một dấu chỉ của việc không bị phạt, tức là họ đã sống công chính hoặc đẹp lòng Chúa. Nhưng bao nhiêu năm được cho là lâu? Trước khi biến cố đại hồng thủy diễn ra, "khi loài người bắt đầu thêm đông trên mặt đất" (St 6,1), Đức Chúa đã phán: "Thần khí của Ta sẽ không ở lại mãi mãi trong con

¹⁷ Nhóm chú giải CGKPV cho rằng đối với dân It-ra-en, cái phúc lớn nhất là được sống lâu. (x. *Kinh Thánh*, 325.)

người, vì con người chỉ là xác phàm, *tuổi đời của nó sẽ là một trăm hai mươi năm*" (St 6,3).
Thánh vịnh gia khi nhìn cuộc đời con người cũng không khỏi thốt lên những lời lẽ hết sức
hiện sinh: "Tính tuổi thọ trong ngoài bảy chục, mạnh giỏi chẳng là được tám mươi" (Tv
90,10). Xét theo ý này, Mô-sê là người duy nhất trong lịch sử Cựu Ước 'đạt chuẩn': "Khi chết,
ông Mô-sê thọ một trăm hai mươi tuổi, mắt không mờ, khí lực không giảm" (Đnl 34,7). Nếu
các tổ phụ trước và sau hồng thủy đều "chết già", thì Kinh Thánh cho thấy Mô-sê qua đời khi
mắt không mờ, khí lực không giảm, đủ độ tuổi Đức Chúa đã xác định. Như vậy nói được
rằng, Mô-sê có một cái chết viên mãn, mà theo nghĩa khác, ông đã sống lâu, không chỉ vì độ
dài năm tháng, mà vì 'chất lượng' của cuộc đời ông. Vậy nên, việc sống lâu mà Mô-sê nói đến
ở đây không chỉ là 'lượng' mà hơn hết là 'chất': sống lâu là sống dài và sống tốt theo thánh ý
và Lễ Luật của Đức Chúa. Nói mạnh dạn hơn: sống lâu là tuân giữ Lễ Luật và tôn kính Đức
Chúa trọn niềm. Đây thực sự là một hồng ân.

Về phần đất mà Đức Chúa hứa ban cho dân It-ra-en, Ngài đã hứa ban vùng đất nào cho
họ là dòng dõi của các tổ phụ? Với Ap-ra-ham:

Ta ban cho dòng dõi ngươi đất này, từ sông Ai-cập đến Sông Cả, tức *sông Êu-phơ-rát*, đất của những
người Kê-ni, Cơ-nát, Cát-môn, Khét, Pơ-rít-di, Ra-pha, E-mô-ri, Ca-na-an, Ghia-ga-si và Gio-vút" (St
15,18-21); với dân It-ra-en: "ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của chúng ta, đã phán với chúng ta tại núi Khô-
rếp như sau: [...] ⁷ Hãy chuyển hướng và lên đường, đi tới núi người E-mô-ri, và tới các dân chung
quanh, ở thung lũng A-ra-va, ở miền núi, miền Sơ-phê-la, miền Ne-ghép, miền duyên hải, tới đất người
Ca-na-an, núi Li-băng, cho đến Sông Cả, là *sông Êu-phơ-rát*.⁸ Đây, Ta trao đất đó cho các ngươi, hãy
vào và chiếm hữu đất mà ĐỨC CHÚA đã thề với cha ông các ngươi, là Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp,
rằng Người sẽ ban cho họ và dòng dõi họ sau này (Đnl 1,6-8).

Như vậy, cho đến thời điểm hiện tại, dân It-ra-en đang chuẩn bị tiến vào đất Ca-na-an
bên kia sông Gio-đan, vùng này chỉ là một phần nhỏ nằm giữa vùng đất kéo dài từ sông Nil
(bắc Ai-cập) đến sông Êu-phơ-rát (đoạn chảy phía Đông Bắc Syria) mà Đức Chúa đã hứa với
Ap-ra-ham sẽ ban cho dòng dõi ông.¹⁸ Điều này có nghĩa là lời hứa của Đức Chúa với các tổ

¹⁸ Nancy M. Tischler cho rằng khái niệm "Đất Hứa" chỉ vùng đất Ca-na-an (x. Nancy M. Tischler, *All Things in the*, 321).

phụ mà nay Ngài thực hiện với dân It-ra-en vẫn chưa chấm dứt và sẽ còn tiếp tục được thực hiện đối với các thế hệ sau. Nhưng tại sao Đức Chúa lại hứa ban vùng đất từ sông Ai-cập đến sông Cà/Êu-phơ-rát? Trở lại thời đầu khi Đức Chúa tạo dựng trời đất: "Một con sông từ Ê-đen chảy ra tưới khu vườn, và từ đó chia thành bốn nhánh.¹¹ [...] Còn *nhánh thứ bốn là Êu-phơ-rát*" (St 2,10-14). Sau khi đại hồng thủy xảy ra và bề mặt trái đất có sự thay đổi lớn, do đó con sông Êu-phơ-rát được nói đến trong trình thuật tạo dựng và trong lời Đức Chúa hứa với Ap-ra-ham và với dân It-ra-en có thể không phải là cùng một con sông, nhưng quan trọng hơn là ý nghĩa khi cái tên Êu-phơ-rát. Lẽ thường, sông luôn được hiểu là nơi bắt đầu sự sống và là cái nôi của các nền văn minh, mà ở đây, Êu-phơ-rát còn cho thấy sự sống mà con sông này nói đến có ý biểu trưng về chính sự sống trong vườn Ê-đen, là nơi con người đầu tiên sống trong sự hiệp thông mật thiết với vạn vật và với Thiên Chúa như sách Sáng Thế đã cho thấy trong các chương đầu trước trình thuật sa ngã. Như vậy, có thể hiểu rằng khi Đức Chúa hứa ban cho Ap-ra-ham và hơn hết là cho chính dòng dõi của ông - tiêu biểu là dân It-ra-en - vùng đất kéo dài đến tận miền sông Êu-phơ-rát, tức là Ngài muốn đưa dân về lại vườn Ê-đen mới, không chỉ về mặt địa lý mà hơn hết là trong chiều kích thiêng liêng: về lại sự sống và cuộc sống hiệp thông với Ngài. Do đó, vùng đất mà Đức Chúa hứa ban không chỉ là một vùng lãnh thổ địa lý, mà có lẽ còn là 'lãnh thổ thiêng liêng', một Ê-đen mới, một địa đàng mới, nơi ấy, sau này Đức Giê-su sẽ trọn vẹn hóa ý nghĩa: không còn là địa đàng, mà là thiên đàng; không còn là dân của Đức Chúa, mà là những người con của Thiên Chúa.

Như vậy, cả hai hình ảnh 'sống lâu' và 'đất hứa' vừa nói đến sự sung mãn về vật chất vừa nói đến sự dồi dào về thiêng liêng mà Đức Chúa sẽ ban cho dân It-ra-en khi họ kính tin và đi theo đường lối của Ngài. Quá rõ, đây là hồng ân cứu độ mà Đức Chúa hằng thực hiện cho dân.

Theo đó, chính từ việc cảm nghiệm thấy lòng từ bi của Đức Chúa qua việc Ngài đã đồng hành và thực hiện bao việc lạ lùng cho dân, cũng như ban tặng cho dân hồng ân lớn lao

là Đất Hứa và một cuộc sống hạnh phúc là yếu tố nền tảng để [Mô-sê mời gọi] dân sống kinh nghiệm đức tin của mình. Đoạn thứ ba (c. 39-40) này nằm trong năng động trên.

Đức Kết

Đnl 4,31-40 lần lượt diễn tả và làm rõ hình ảnh Đức Chúa là Đấng từ bi và là Thiên Chúa duy nhất, đặc biệt trong tương quan đối với dân It-ra-en. Ngài đã đồng hành với dân và thực hiện bao việc lạ lùng để giải thoát dân khỏi kiếp nô lệ ở Ai-cập và đưa họ đến Đất Hứa. Nếu những kỳ công Đức Chúa đã làm cho dân là hồng ân họ được ban, thì sự từ bi của Đức Chúa là Thiên Chúa duy nhất đối với họ lại là một hồng ân còn trọng đại hơn nữa. Đó là ân huệ của tương quan chứ không phải của sự ban phát. Ân huệ ấy là chính Đấng Ban Ôn. Theo đó, khi dân lắng nghe và đáp lại Đức Chúa trong lòng tin và sự tuân phục, họ được Đức Chúa đưa vào miền Đất Hứa và sống hạnh phúc lâu dài ở đó, một vùng đất không chỉ có ý nghĩa về địa lý mà hơn cả là vùng đất thiêng liêng của tương quan hiệp thông gần gũi với Đức Chúa. Được Chúa chọn quả là một hồng ân!

Ứng Dụng

Đoạn trình thuật Đnl 4,31-40 khi cho thấy được Chúa chọn là một hồng ân thì cũng cho thấy đức tin được khởi phát, đặt nền và lớn lên trong tương quan cá vị với Thiên Chúa.

Rõ ràng, con người chưa bao giờ chọn Chúa nếu Ngài không chọn họ trước. Chính kinh nghiệm đức tin từ thời A-đam, qua Nô-ê, đến Ap-ra-ham và kéo dài tới Mô-sê và dân It-ra-en cũng như đến tận Tân Ước cho thấy Thiên Chúa đã luôn luôn đi bước trước trong việc tỏ mình ra cho con người và mời gọi họ đi vào tương quan với Ngài. Đức tin là món quà khởi phát từ Thiên Chúa. Ý thức được điều này, người tín hữu sẽ được gọi lên lòng biết ơn sâu xa

cần thiết cho sự xác tín vào Thiên Chúa cũng như cho việc tiếp tục nhận ra sự hiện diện của Ngài trong cuộc sống của mình, một sự hiện diện sống động, chủ động và đầy yêu thương.

Theo đó, người tín hữu nhận ra món quà đức tin không phải do mình làm chủ, nhưng được đặt nền trên Thiên Chúa. Nói cách khác, tin vào Chúa chứ không tin vào mình. Dân It-ra-en trong hành trình về Đất Hứa đã 'có thừa' kinh nghiệm này để phản tỉnh: bao nhiêu lần họ nhìn và cậy dựa vào sức mình, bấy nhiêu lần họ thấy bất lực và đối diện với cái chết cả về nghĩa thể lý lẫn nghĩa thiêng liêng. Tin vào Chúa, họ được mở ra với sự quan phòng của Ngài, sự quan phòng ấy đưa họ về sự sống. Kinh nghiệm này không thể thiếu trong đời sống đức tin người tín hữu hôm nay.

Mặt khác, Thiên Chúa sống động, nên đức tin vào Ngài cũng sống động và lớn lên không ngừng. Dân It-ra-en đã muốn "gò" Đức Chúa vào hình tượng con bò cái để thờ phượng hoặc đã "ép khuôn" Ngài là một Đức Chúa nghiêm khắc. Điều họ nhận được chỉ là những cay đắng và kém tự do trong tâm hồn. Chính hình ảnh Đức Chúa từ bi hằng quan phòng và yêu thương họ giúp giải phóng họ khỏi nỗi sợ hãi của một kẻ nô lệ với ông chủ, mà thay vào đó là lòng kính tin và yêu mến của một dân tự do với Đức Vua nhân từ của họ. Phản tỉnh chính kinh nghiệm này, người tín hữu nghiệm ra rằng Đức Giê-su còn đi xa hơn nữa khi đưa họ đi vào tương quan của những người con tự do với Thiên Chúa là Cha. Do đó, càng đi sâu vào tương quan gần gũi với Thiên Chúa, đức tin con người càng được nuôi dưỡng nên sống động và lớn lên không ngừng.

Theo đó, tính cá vị trong tương quan giữa con người với Thiên Chúa là yếu tố quan trọng của đức tin. Con người không thể tin vào một thiên chúa triết học chỉ tồn tại trong tư tưởng hay ý thức, hoặc một thiên chúa không can dự gì vào đời sống con người, mà chỉ có thể tin vào một Thiên Chúa có tương quan cá vị với họ. Tính cá vị là hoa trái của kinh nghiệm gặp gỡ trực tiếp với Thiên Chúa. Nó loại bỏ cái nhìn vào đức tin như việc thực hành

những gì giáo điều, khuôn phép, cứng nhắc. Tin không phải là đến nhà thờ, tin là đến gặp một Đấng. Tin không phải là nghe cha giảng, tin là nghe tiếng Chúa nói với chính tôi.

Kỳ thực, Đất Hứa hiểu theo nghĩa rộng không phải chỉ dành cho dân It-ra-en, nhưng cho mọi người, nhất là những ai tin vào Đức Ki-tô. Để vào được Đất Hứa, dân It-ra-en phải trải qua chinh chiến, nếu hiểu những cuộc chiến này vượt ra khỏi chiến tranh con người, nếu hiểu Đất Hứa không chỉ là một lãnh thổ địa lý mà là vùng đất thiêng liêng nơi sự hiệp thông giữa con người với thụ tạo và với Thiên Chúa được tái lập, thì các cuộc chiến kia đại diện cho những cuộc chiến thiêng liêng cần thiết để đi đến mối dây hiệp thông với Thiên Chúa. Như trong các cuộc chiến của dân It-ra-en, Thiên Chúa đã luôn dẫn đường và ban sức mạnh để họ chiến thắng thế nào, trong cuộc chiến thiêng liêng của người tín hữu, Thiên Chúa cũng là Thủ Lãnh đưa đến chiến thắng như vậy. Đó là chiến thắng của đức tin, một đức tin được khởi phát, đặt nền và lớn lên trong tương quan cá vị với Thiên Chúa, nơi Đức Giê-su Ki-tô.

Sách Tham Khảo

- Blenkinsopp, Joseph. "Deuteronomy." In *The Jerome Biblical Commentary*, edited by Raymond E. Brown, S.S., Joseph A. Fitzmyer, S.J., Roland E. Murphy, O.Carm., 94-109. New Jersey: Prentice-Hall, Inc., 1968.
- Bultmann, Christoph. "Deuteronomy." In *The Oxford Bible Commentary*, edited by John Barton and John Muddiman, 135-158. New York: Oxford University Press, 2001.
- Clements, Ronald E. "The Book of Deuteronomy." Vol. II, in *The New Interpreter's Bible*, edited by Leander E. Keck and others, 271-538. Nashville: Abingdon Press, 1998.
- Hoppe, Leslie J. "The Chronicler's History and the Later Histories." In *The Catholic Study Bible*, 2nd Edition. Edited by Donald Senior, John J. Collins, 199-234. New York: Oxford University Press, 2006.
- Kinh Thánh*, Ấn bản 2011. Bản dịch và chú thích do nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Hà Nội: Tôn Giáo, 2011.
- Michl, Johann. "Heaven." Vol. 1, in *Encyclopedia of Biblical Theology*, edited by Johannes B. Bauer, 366-369. London and Sidney: Sheed and Ward Ltd, 1970.
- Sailhamer, John H. *The Pentateuch as Narrative*. Michigan: A Division of Harper Collins Publishers, 1992.
- Ska, Jean-Louis. *Introduction to Reading the Pentateuch*. Translated by Sr. Pascale Dominique. Indiana: Eisenbrauns, 2006.
- Tischler, Nancy M. *All Things in the Bible*. Westport: An Imprint of Greenwood Publishing Group, Inc., 2006.
- Whybray, R. Norman. *Introduction to the Pentateuch*. Michigan: Wm. B. Eerdmans Publishing Co., 1995.